

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2022
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Châu Hùng;

Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-DS ngày 17/5/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 2001, địa chỉ: số 2xx, ấp M, xã V, huyện T, tỉnh An Giang; vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 1xx, ấp C, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang; vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:

Bà H và ông L tự quen biết và được cha mẹ hai bên quyết định cho sống chung vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo giấy chứng nhận số 18 ngày 12/5/2020. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không sống chung với nhau từ đó đến nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông L nhưng ông L vắng mặt.

Kết quả xác minh tại ấp C, xã V, thành phố C: Ông Huỳnh Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, ông L có công việc làm ăn ở Tỉnh Biên nên không thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Bà Huỳnh Thị Chinh cho biết: Bà là chị ruột của ông L, có nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho ông L. Ông L biết việc bà H xin ly hôn.

Ông Huỳnh Minh N cho biết: Ông là cha ruột của Huỳnh Thị Kim H. H và L có quen biết với nhau được gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 09/9/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Sau khi làm đám cưới thì hai đứa qua huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang làm ăn, được vài tháng thì đến tỉnh Bình Dương làm công nhân đến nay. Sau khi đi Bình Dương làm công nhân, thì khoảng tháng 11/2021 L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và hai đứa không sống chung từ đó đến nay. Việc mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì ông hoàn toàn không biết, ông không có ý kiến gì về việc ly hôn.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng, cứ hòa giải giữa các đương sự, tuy nhiên ông L vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, bà H và ông L có đăng ký kết hôn nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, từ tháng 10/2021 đến nay thì bà ông L không sống chung với nhau cho đến nay. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố C. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V theo giấy chứng nhận số 18 ngày 12/5/2020 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng bà H và ông L đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2021 đến nay do nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim H được ly hôn ông Huỳnh Văn L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 12/5/2020 của Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0001951 ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Văn L không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương